

Bản án số: 117/2024/HS-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Thân Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Kha – Chủ tịch LĐLD huyện
và ông Nguyễn Quang Vinh – Cán bộ hưu thị trấn Vôi.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện
Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên toà:
Ông Vi Đức Thứ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lạng Giang,
tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 108/2024/TLST-
HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
106/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1992; Tên gọi khác: Không có.

Nơi cư trú: Số nhà A, ngõ H, đường N, tổ dân phố T, phường X, thành phố
B, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do;
Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966.
(đã chết) và con bà Hà Thị T1, sinh năm 1973. Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án: Bản án số 157/2022/HS- ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân
thành phố Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn T 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”,
bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2023, chấp hành xong án phí ngày
27/3/2023, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 27 ngày 27/12/2013 của Công
an phường T, thành phố B xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 500.000 đồng về hành vi
“Sử dụng trái phép chất ma túy”, T chưa chấp hành xong tiền phạt đến nay đã hết
thời hiệu thi hành quyết định.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 26/11/2014 của Công
an phường X, thành phố B xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng về hành

vi “Trộm cắp tài sản”. T chưa chấp hành xong tiền phạt đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 85 ngày 19/6/2016 của Công an thành phố B xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 350.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”. T chấp hành xong tiền phạt tháng 7/2016.

+ Bản án số 40/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/3/2018, chấp hành xong án phí tháng 9/2017.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 220B ngày 08/10/2020 của Công an thành phố B xử phạt Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. T chưa chấp hành xong tiền phạt đến nay đã hết thời hiệu thi hành quyết định.

+ Quyết định số 261/QĐ- UBND ngày 16/12/2021 của UBND phường X, thành phố B về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại phường đối với Nguyễn Văn T trong thời hạn 03 tháng. Chấp hành xong thời gian giáo dục tại phường ngày 16/3/2022.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/8/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Công an huyện L (có mặt).

* **Bị hại:** Ông Vũ Trí B, sinh năm 1966 (vắng mặt)
HKTT: Thôn Liên Sơn, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

Nơi ở: Thôn Dĩnh Cầu, xã Tân Dĩnh, huyện Lạng Giang, Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Hà Thị T1, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, ngõ H, đường N, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Ngô Thị T2, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn T, sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy, đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 98B1- 155.99 đi từ nhà theo đường Q cũ hướng lên địa bàn xã T, huyện L, tỉnh B mục đích tìm tài sản trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, T đi đến trước công trình đang xây dựng nhà ở của ông Vũ Trí B, sinh năm 1966 ở thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang thì phát

hiện thấy bên trong căn nhà đang xây dựng của ông B có để nhiều sắt thép nhưng không có người trông giữ nên nảy sinh ý định vào trộm cắp. Để thực hiện ý định, T đã dựng xe mô tô trước cửa nhà rồi đi bộ vào nhà đến khu vực cầu thang nhà ông B, bê 04 thanh sắt hình chữ V, mỗi thanh dài khoảng 115cm ra bên ngoài để lên yên phía sau của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 155.99. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở số sắt trộm cắp được đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Ngô Thị T2, sinh năm 1979, ở thôn T, xã T, huyện L để bán. Tại đây, T nói dối với chị T2 số sắt trên là sắt làm công trình thừa đem bán, chị T2 đồng ý mua của T 04 thanh sắt có tổng khối lượng 34 kg với giá 8.000 đồng/01Kg, hết tổng số tiền 272.000 đồng. Số tiền này, T chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 23/8/2024, ông Vũ Trí B phát hiện bị mất trộm tài sản nên trình báo Công an xã T, huyện L. Bằng công tác nghiệp vụ, Công an xã T đã triệu tập T đến làm việc thì T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Sau khi tiếp nhận người phạm tội đầu thú, Công an xã T đã chuyển đối tượng và toàn bộ tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 23/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho T và chị T2 chỉ dẫn xác định địa điểm trộm cắp, địa điểm tiêu thụ tài sản, kết quả: cả T và chị T2 đã chỉ dẫn địa điểm trộm cắp, tiêu thụ tài sản phù hợp với lời khai của mình và các tài liệu chứng cứ khác. Cùng ngày, chị T2 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 04 thanh kim loại hình chữ V có tổng khối lượng 34kg (mỗi thanh có chiều dài 115cm, khối lượng 8,5kg/01 thanh).

Ngày 27/8/2024, Cơ quan điều tra tiến hành cho anh Vũ Trí B, xem xét, kiểm tra đối với 04 thanh sắt thu do chị T2 giao nộp, kết quả: Ông B xác định 04 thanh sắt cơ quan điều tra thu giữ được là của ông B đã bị mất trộm.

Tại Kết luận định giá tài sản số 91/KL- HĐĐGTS số 27/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, kết luận: *“Giá trị 04 thanh sắt hình chữ V, dài 115cm/01 thanh, khối lượng 8,5kg/01 thanh, có tổng khối lượng 34kg, loại sắt để lắp thang máy, chưa qua sử dụng; tại thời điểm ngày 22/8/2024, tổng 04 thanh sắt nêu trên có giá là 34 kg x 10.000 đồng/01kg = 340.000 đồng.”*

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 18/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, bị cáo không bị oan.

Người bị hại – anh Vũ Trí B vắng mặt nhưng lời khai trong hồ sơ vụ án đã trình bày: Bản thân ông đang xây dựng nhà mới tại khu dân cư mới thuộc thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình xây dựng, ông có mua các trang thiết bị

để làm thang máy và để trong nhà đang xây dựng. Đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, khi ông đang ở nhà tại thôn D, xã T thì nhận được điện thoại của anh T3 (thợ làm thang máy cho ông) báo bị mất 04 thanh sắt hình chữ V, dài khoảng 120cm/1 thanh, khối lượng khoảng 8kg/1 thanh, dùng để lắp thang máy. Ông có xem camera lắp tại công trình nhà đang xây thì phát hiện vào hồi 11 giờ 40 phút ngày 22/8/2024 có một đối tượng đi mô tô Lead, màu bạc, biển kiểm soát 98B1-155.99 bê trộm 04 thanh sắt đó của ông. Bốn thanh sắt là tài sản cá nhân của ông. Quá trình điều tra, ông được biết đối tượng trộm cắp tài sản của ông là bị cáo Nguyễn Văn T. Hiện ông đã được cơ quan điều tra trả lại 04 thanh sắt nên ông không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị T1 vắng mặt nhưng các lời khai đã trình bày: Chị là mẹ đẻ của bị cáo T. Vào khoảng 11 giờ ngày 22/8/2024, bị cáo T có hỏi mượn chị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 98B1-155.99 để đi ra ngoài có việc. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày thì bị cáo T mang xe về trả chị. Chiếc xe mô tô là tài sản của cá nhân chị, đăng ký mang tên chị, khi cho T mượn xe, chị không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị T2 vắng mặt nhưng các lời khai đã trình bày: Hiện chị đang kinh doanh cửa hàng mua bán phế liệu ở thôn T, xã T. Khoảng 12 giờ ngày 22/8/2024, chị có mua của 01 nam thanh niên (sau này chị mới biết đó là bị cáo T) 04 thanh sắt, hình chữ V với giá 8.000 đồng/ 1 kg, 04 thanh sắt đó nặng 34kg, chị trả cho bị cáo T số tiền 272.000 đồng. Khi bán, người thanh niên đó nói với chị là “sắt em làm thừa nên bán”, chị không biết đó là tài sản do bị cáo T trộm cắp mà có. Chị đã giao nộp 04 thanh sắt cho cơ quan điều tra. Nay, chị yêu cầu bị cáo T phải bồi thường trả chị số tiền 272.000 đồng.

Sau phân xét hỏi, tại phần tranh luận Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam bị cáo. Đề nghị miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho chị Ngô Thị T2 số tiền 272.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện còn đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, sau phân xét hỏi và tranh luận, bị cáo nhất trí với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không có ý kiến gì tranh luận đối với đại diện VKSND huyện Lạng Giang. Bị cáo nhận thức hành vi của

mình đã thực hiện là sai trái, là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên:* Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng xác định đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:* Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tiếp tục xét xử.

[3] *Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại, cụ thể:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý, bị cáo đã bị kết án tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 04 thanh sắt hình chữ V, mỗi thanh dài 115cm, tổng khối lượng 34 kg, giá 8000đ/1kg. Tổng giá trị tài sản do T trộm cắp là 340.000 đồng (Ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] *Về tính chất vụ án:* Đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương. Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và

hiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, việc xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự là cần thiết mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] *Về nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Xác định bị cáo có nhân thân xấu. Theo đó, bị cáo có 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 lần bị xét xử về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”; 01 lần bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường trong thời hạn 03 tháng.

- Tiền án: Ngày 21/9/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2023, chấp hành xong án phí ngày 27/3/2023 nhưng chưa được xóa án tích.

- Tiền sự và về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đầu thú; bị cáo có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tiếp tục tạm giam bị cáo:* Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam, để đảm bảo cho việc thi hành án, HĐXX thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày là phù hợp với Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] *Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, lẽ phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, HĐXX thấy: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, địa phương không xác định được thu nhập và tài sản riêng của bị cáo nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại ông Vũ Trí B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị T2 yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 272.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý hoàn trả lại cho chị T2 số tiền trên. Vì vậy, HĐXX chấp nhận, buộc bị cáo T phải hoàn trả cho chị T2 số tiền 272.000 đồng là phù hợp với các Điều 579 và 580 Bộ luật dân sự.

[9] *Về vật chứng:* 04 thanh sắt hình chữ V là tài sản của ông Vũ Trí B nên ngày 11/9/2024 Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông B, HĐXX thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] *Về các nội dung khác:* Qua xét xử vụ án, HĐXX thấy: Đối với chị Hà Thị T1 (mẹ của bị cáo T) là người cho T mượn xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 155.99, nhưng khi cho mượn xe chị T1 không biết T dùng xe để đi

trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe mô tô và không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với chị Ngô Thị T2 là người mua 04 thanh sắt hình chữ V nhưng khi mua chị T1 không biết là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định.

[11] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Với những nhân định trên đây, HĐXX thấy những đề nghị của Đại diện VKSND huyện với HĐXX ở tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 48, Điều 38 Bộ luật hình sự, các Điều 135, Điều 136, Điều 292, Điều 293, Điều 329, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 08** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, ngày 23/8/2024. Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T phải hoàn trả cho chị Ngô Thị T2 số tiền 272.000 đồng.

3. Về vật chứng: Không phải giải quyết.

4. Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. iêQueets

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Kể từ khi ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo và người TGTT;
- Lưu.

Thân Hồng Giang